



RSM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

MỤC LỤC**Trang**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán riêng

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

8 – 9

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

10 – 38

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch	26/05/2015	-
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch	26/05/2015	-
Ông Huỳnh Ngọc Mẫn	Thành viên	26/05/2015	-
Ông Đỗ Thành Khiêm	Thành viên	26/05/2015	05/08/2016
Ông Ngô Thanh Quyền	Thành viên	26/05/2015	21/06/2016

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đoàn Thị Bích Thuỷ	Trưởng ban
Bà Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Hoà	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	-	21/09/2016
Bà Nguyễn Thanh Loan	Tổng Giám đốc	21/09/2016	-
Bà Lâm Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Lê Ngọc Khang	Kế toán trưởng	14/03/2016	-

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Loan
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Số: 17.159A/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2017 từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
AUDIT | TAX | CONSULTING

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính riêng kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0425-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017



Nguyễn Hoàng Vy Thảo
Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1727-2016-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.057.590.435.620	1.242.408.783.734
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	55.516.868.641	20.906.249.112
1. Tiền	111		814.177.932	5.206.249.112
2. Các khoản tương đương tiền	112		54.702.690.709	15.700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.220.678.493	70.292.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	24.220.678.493	70.292.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		427.316.036.261	635.251.610.198
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	303.653.078.093	497.670.013.792
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.475.655.599	17.137.530.058
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	130.952.811.191	131.413.960.117
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(15.886.789.042)	(11.091.174.189)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		121.280.420	121.280.420
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	533.365.707.155	479.644.853.677
1. Hàng tồn kho	141		533.365.707.155	485.838.033.590
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(6.193.179.913)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.171.145.070	36.314.070.747
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	865.065
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.169.083.838	36.312.743.682
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	2.061.232	462.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		711.300.845.667	720.694.423.551
I. Tài sản cố định	220		27.565.156.210	28.860.113.955
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	16.859.693.322	17.857.544.965
Nguyên giá	222		69.160.275.090	67.355.965.090
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.300.581.768)	(49.498.420.125)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	10.705.462.888	11.002.568.990
Nguyên giá	228		13.822.026.730	13.822.026.730
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.116.563.842)	(2.819.457.740)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.933.663.247	2.014.306.062
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.933.663.247	2.014.306.062
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	637.349.364.992	637.349.364.992
1. Đầu tư vào công ty con	251		646.194.000.000	646.194.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		68.477.795	68.477.795
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.913.112.803)	(8.913.112.803)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		43.452.661.218	52.470.638.542
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	43.426.419.427	44.571.107.539
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.11	26.241.791	7.899.531.003
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.768.891.281.287	1.963.103.207.285

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.004.933.595.937	1.222.842.566.922
I. Nợ ngắn hạn	310		1.004.468.595.937	1.222.372.566.922
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	426.912.510.557	571.043.271.506
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.959.650.756	15.587.318.266
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	420.433	8.508.989.666
4. Phải trả người lao động	314		214.059.435	224.078.980
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.185.445.355	119.457.624
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	47.492.509.847	45.026.113.889
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	522.703.999.554	581.448.090.822
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	415.246.169
II. Nợ dài hạn	330		465.000.000	470.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	5.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	465.000.000	465.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		763.957.685.350	740.260.640.363
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	763.957.685.350	740.260.640.363
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		614.356.040.000	614.356.040.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		614.356.040.000	614.356.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160.764.683.540	160.764.683.540
3. Cổ phiếu quỹ	415		(58.638.685.584)	(58.638.685.584)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.284.479.534	27.284.479.534
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.509.121.366	2.512.121.366
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.682.046.494	(6.017.998.493)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(6.052.998.493)	38.519.157.745
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23.735.044.987	(44.537.156.238)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.768.891.281.287	1.963.103.207.285



Nguyễn Thanh Loan
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Lê Ngọc Khang
Kế toán trưởng

Trần Thị Quỳnh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường
Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.527.623.281.442	1.740.447.487.263
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.527.623.281.442	1.740.447.487.263
3. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.443.205.601.477	1.719.035.815.255
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		84.417.679.965	21.411.672.008
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	12.158.945.134	23.608.250.864
6. Chi phí tài chính	22	6.4	39.230.305.911	64.955.587.080
Trong đó, chi phí lãi vay	23		32.990.612.032	27.410.292.529
7. Chi phí bán hàng	25	6.5	9.384.882.195	10.829.542.545
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	15.985.962.841	13.901.390.579
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.975.474.152	(44.666.597.332)
10. Thu nhập khác	31	6.7	613.282.487	6.358.605.978
11. Chi phí khác	32	6.8	939.422.440	14.128.695.887
12. Lợi nhuận khác	40		(326.139.953)	(7.770.089.909)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.649.334.199	(52.436.687.241)
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	7.873.289.212	(7.899.531.003)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.776.044.987	(44.537.156.238)



Nguyễn Thanh Loan
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Lê Ngọc Khang
Kế toán trưởng

Trần Thị Quỳnh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường
Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		31.649.334.199	(52.436.687.241)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.613.047.745	5.932.998.717
Các khoản dự phòng	03		(1.397.565.060)	13.881.405.119
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		4.419.523.498	7.555.557.355
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.279.359.429)	(7.129.731.285)
Chi phí lãi vay	06	6.4	32.990.612.032	27.410.292.529
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		64.995.592.985	(4.786.164.806)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		222.281.598.766	20.302.891.174
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(47.527.673.565)	(286.162.846.395)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(163.219.806.429)	267.087.785.234
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.145.553.177	1.159.960.265
Tiền lãi vay đã trả	14		(32.671.735.947)	(27.873.160.661)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(494.246.169)	(521.239.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.509.282.818	(30.792.774.989)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.237.447.185)	(897.273.908)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		60.000.000	10.508.051.735
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(44.807.678.493)	(93.729.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		90.879.000.000	36.921.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.3	6.219.359.429	1.974.836.452
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		49.113.233.751	(45.222.385.721)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường
Phủ Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	1.152.344.112.379	1.253.833.581.231
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(1.211.356.499.247)	(1.208.029.422.363)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(59.012.386.868)	45.804.158.868
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		34.610.129.701	(30.211.001.842)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		20.906.249.112	51.103.593.185
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		489.828	13.657.769
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	55.516.868.641	20.906.249.112



Nguyễn Thanh Loan
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Lê Ngọc Khang
Kế toán trưởng

Trần Thị Quỳnh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 07 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 ngày 12 tháng 04 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất (lần thứ 14) là vào ngày 21 tháng 09 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh và nhà máy của Công ty được đặt tại Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 22 (31/12/2015: 18).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Ngành nghề sản xuất chính của Công ty là:
 - + Sản xuất thép cán nóng (P/O), thép cán nguội (C/R), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu (tôn mạ màu), thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gồ thép. Sản xuất tôn lợp, cán xà gồ;
 - + Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng. Sản xuất tấm lợp các loại.
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:
 - + Mua bán sắt thép các loại;
 - + Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng;
 - + Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
 - + Mua bán nông sản;
 - + Mua bán gỗ, ruột xe;
 - + Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại;
 - + Xây dựng nhà các loại;
 - + Thi công hệ thống điện công trình;
 - + Thi công hệ thống nước công trình;
 - + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - + Đúc sắt, thép;
 - + Sản xuất thép xây dựng, thép hình;
 - + Chế biến nông sản;
 - + Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt;
 - + Sản xuất đồ gỗ gia dụng;
 - + Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư;
 - + Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
 - + Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị. Cho thuê kho bãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty con:				
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, Lô A, Đường 22, KCN Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	100%	100%	100%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2016 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Đà Nẵng	Thôn Giáng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Bà Rịa	Số 19 Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Long Mỹ	Số 79A Đường Trần Hưng Đạo, Khu Vực Bình Thạnh B, Phường Bình Thạnh, TX. Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Vị Thanh	Số 295 Đường Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ**2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12; riêng năm tài chính đầu tiên được bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2001.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1. Ngoại tệ**

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.4. Đầu tư tài chính***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***Đầu tư vào công ty con***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn***

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.5. Các khoản phải thu***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6. Hàng tồn kho***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 20 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

4.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất từ 39 đến 48 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.9. Thuê tài sản***Phân loại thuê tài sản***

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**4.10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê là 43 năm.
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 30 tháng đến 38 tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.12. Chi phí đi vay***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

4.14. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**4.15. Vốn chủ sở hữu*****Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.16. Doanh thu, thu nhập khác***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định***

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

4.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

4.20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

4.21. Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp******Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	269.949.126	664.911.272
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	544.228.806	4.541.337.840
Các khoản tương đương tiền	54.702.690.709	15.700.000.000
Cộng	55.516.868.641	20.906.249.112

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất trung bình từ 4,5% đến 5,2%/năm. Các khoản tương đương tiền với số tiền 54.215.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty - Xem thêm mục 5.13.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	24.220.678.493	24.220.678.493	70.292.000.000	70.292.000.000

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng với số tiền là 23.595.377.137 VND đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty - Xem thêm mục 5.13.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:						
	Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	637.000.000.000	-	637.000.000.000		-
	Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	9.194.000.000	(8.913.112.803)	9.194.000.000		(8.913.112.803)
Cộng	646.194.000.000		(8.913.112.803)	646.194.000.000		(8.913.112.803)

Đầu tư vào đơn vị khác:
Ngân hàng TMCP Công
thương Việt Nam

68.477.795	83.723.100	-	68.477.795	104.513.400	-
------------	------------	---	------------	-------------	---

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con không quan sát được trên thị trường để trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trên cơ sở giá niêm yết trên sàn chứng khoán và số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ.

(Xem tiếp trang sau)



11.01.2017 14:48:46 61

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu khách hàng là bên thứ ba:		
Các khách hàng có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng giá trị các khoản phải thu	56.775.344.580	48.271.569.733
Cộng	56.775.344.580	48.271.569.733
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – Xem thêm mục 8.		
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	647.438.478	647.438.478
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	245.709.096.782	448.751.005.581
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thép Thiên Lộc	521.198.253	-
Cộng	246.877.733.513	449.398.444.059
Tổng cộng	303.653.078.093	497.670.013.792

5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan về việc chi hộ, cho mượn – Xem thêm mục 8.	125.043.764.872	-	125.553.563.860	-
Phải thu người lao động	475.837.738	-	1.026.692.061	-
Ký cược, ký quỹ	5.588.144	-	21.588.144	-
Phải thu khác	5.427.620.437	(1.838.493.156)	4.812.116.052	(1.838.493.156)
Cộng	130.952.811.191	(1.838.493.156)	131.413.960.117	(1.838.493.156)

5.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, phải thu khác quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	20.220.280.630	4.333.491.588	11.091.174.189	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, phải thu khác quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Pt Blue Steel Industries	8.628.800.890	4.314.400.444	Từ 1 đến 2 năm	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tôn Tân Thành	2.896.315.858	-	Trên 3 năm	2.896.315.858	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác (Còn lại)	8.695.163.882	19.091.144	Từ 1 đến trên 3 năm	8.194.858.331	-	Trên 3 năm
Cộng	20.220.280.630	4.333.491.588		11.091.174.189	-	

5.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	65.226.004.141	-	44.449.026.172	-
Nguyên liệu, vật liệu	140.468.543.045	-	145.534.881.163	(237.205.366)
Công cụ, dụng cụ	2.521.485.673	-	2.459.923.858	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.449.162.597	-	824.237.037	-
Thành phẩm	23.718.099.879	-	61.612.728.729	(5.212.785.494)
Hàng hóa	294.982.411.820	-	230.957.236.631	(743.189.053)
Cộng	533.365.707.155	-	485.838.033.590	(6.193.179.913)

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 457.850.939.393 VND - Xem thêm mục 5.13.

Vệc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do hàng đã bán trong năm và cuối năm không có hàng tồn kho giảm giá cần lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2016	17.168.175.072	44.540.931.423	5.302.915.317	343.943.278	67.355.965.090
Mua trong năm	-	2.250.000.000	-	68.090.000	2.318.090.000
Thanh lý, nhượng bán	(-)	(-)	(513.780.000)	(-)	(513.780.000)
Tại ngày 31/12/2016	17.168.175.072	46.790.931.423	4.789.135.317	412.033.278	69.160.275.090
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2016	10.323.336.058	34.608.396.164	4.222.744.625	343.943.278	49.498.420.125
Khấu hao trong năm	902.380.548	2.084.285.765	324.735.998	4.539.332	3.315.941.643
Thanh lý, nhượng bán	(-)	(-)	(513.780.000)	(-)	(513.780.000)
Tại ngày 31/12/2016	11.225.716.606	36.692.681.929	4.033.700.623	348.482.610	52.300.581.768
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2016	6.844.839.014	9.932.535.259	1.080.170.692	-	17.857.544.965
Tại ngày 31/12/2016	5.942.458.466	10.098.249.494	755.434.694	63.550.668	16.859.693.322

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 28.121.820.389 VND.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã dùng để thế chấp cho các khoản vay tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc là 1.531.265.130 VND – Xem thêm mục 8.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá: Tại ngày 01/01/2016	13.730.727.730	91.299.000	13.822.026.730
Tại ngày 31/12/2016	13.730.727.730	91.299.000	13.822.026.730
Giá trị hao mòn lũy kế: Tại ngày 01/01/2016	2.739.571.131	79.886.609	2.819.457.740
Khấu hao trong năm	285.693.711	11.412.391	297.106.102
Tại ngày 31/12/2016	3.025.264.839	91.299.000	3.116.563.842
Giá trị còn lại: Tại ngày 01/01/2016	10.991.156.599	11.412.391	11.002.568.990
Tại ngày 31/12/2016	10.705.462.888	-	10.705.462.888

Giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay là 6.547.373.349 VND. – Xem thêm mục 5.13.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 91.299.000 VND.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng ở KCN	43.425.622.397	44.568.401.933
Các khoản khác	797.030	2.705.606
Cộng	<u>43.426.419.427</u>	<u>44.571.107.539</u>

Giá trị còn lại của quyền sử dụng đất thuê đã dùng để thế chấp cho các khoản vay tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc là 43.425.622.397 VND – Xem thêm mục 8.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán:				
Công ty Future Materials Industry (Hong Kong)	136.583.661.866	136.583.661.866	107.118.561.905	107.118.561.905
Công ty Gs Global Corp.	60.654.831.519	60.654.831.519	-	-
Công ty Joinwe International Limited	64.368.560.086	64.368.560.086	-	-
Công ty Chengtong International Limited	48.258.422.896	48.258.422.896	16.905	16.905
Phải trả cho các đối tượng khác	108.646.534.114	108.646.534.114	264.251.458.361	264.504.602.116
Phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 8.	8.400.500.076	8.400.500.076	199.673.234.335	199.420.090.580
Cộng	426.912.510.557	426.912.510.557	571.043.271.506	571.043.271.506

5.11. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

Tại ngày 01/01/2016 VND		Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2016 VND		
Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Điều chỉnh	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	1.488.792	2.249.329.804	-	2.061.232	420.433
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	94.270.249.205	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	8.097.224.095	14.730.852.697	(1.132.570)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	103.086.243	-	(103.086.243)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	307.190.536	-	(307.190.536)	-	-
Các loại thuế khác	462.000	-	66.999.600	462.000	-	-
Cộng	462.000	8.508.989.666	103.218.210.190	(410.947.349)	2.061.232	420.433

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**5.12. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Bảo hiểm xã hội	-	17.083.325
Bảo hiểm thất nghiệp	-	3.685.042
Phải trả cho các khoản thu hộ, chi hộ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8.	44.086.962.312	41.054.090.315
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.405.547.535	3.951.255.207
Cộng	47.492.509.847	45.026.113.889

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

5.13. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016		Trong năm		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	522.703.999.554	522.703.999.554	1.150.207.112.379	1.208.915.203.647	581.412.090.822	581.412.090.822
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	36.000.000	36.000.000	36.000.000
Cộng	522.703.999.554	522.703.999.554	1.150.207.112.379	1.208.951.203.647	581.448.090.822	581.448.090.822
Dài hạn:						
Vay dài hạn bên liên quan	465.000.000	465.000.000	2.137.000.000	2.137.000.000	465.000.000	465.000.000
Cộng	465.000.000	465.000.000	2.137.000.000	2.137.000.000	465.000.000	465.000.000
Tổng cộng	523.168.999.554	523.168.999.554	1.152.344.112.379	1.211.088.203.647	581.913.090.822	581.913.090.822

Các khoản vay ngân hàng dùng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu, chịu lãi suất từ 6% đến 7,5%/năm và 9%/năm đối với VND và từ 2,5% đến 4,3% đối với USD. Khoản vay được đảm bảo bằng số dư tiền gửi ngân hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, vô hình và tài sản của các bên có liên quan - Xem thêm mục 5.1; 5.2; 5.6; 5.8 và mục 8.

Vay dài hạn bên liên quan là các khoản vay tín chấp với thời hạn 28 tháng và lãi suất 0%/năm - Xem thêm mục 8.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

5.14. Vốn chủ sở hữu

5.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2015	614.356.040.000	160.764.683.540	(58.638.685.584)	26.956.805.237	2.512.121.366	39.074.436.620	785.025.401.179
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(44.537.156.238)	(44.537.156.238)
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	327.674.297	31.000.000	(358.674.297)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(196.604.578)	(196.604.578)
Chi quỹ	-	-	-	-	(31.000.000)	-	(31.000.000)
Tại ngày 01/01/2016	614.356.040.000	160.764.683.540	(58.638.685.584)	27.284.479.534	2.512.121.366	(6.017.998.493)	740.260.640.363
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	23.776.044.987	23.776.044.987
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu năm 2015	-	-	-	-	35.000.000	(35.000.000)	-
Tạm trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu năm 2016	-	-	-	-	41.000.000	(41.000.000)	-
Chi quỹ	-	-	-	-	(79.000.000)	(79.000.000)	-
Tại ngày 31/12/2016	614.356.040.000	160.764.683.540	(58.638.685.584)	27.284.479.534	2.509.121.366	17.682.046.494	763.957.685.350

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**5.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vốn góp của các cổ đông	614.356.040.000	614.356.040.000
Cổ phiếu quỹ theo mệnh giá	(32.278.400.000)	(32.278.400.000)
Cộng	582.077.640.000	582.077.640.000

5.14.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành:	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ):	3.227.840	3.227.840
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	58.207.764	58.207.764

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

5.14.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2016	27.284.479.534	2.512.121.366
Trích trong năm	-	76.000.000
Chi trong năm	-	(79.000.000)
Tại ngày 31/12/2016	27.284.479.534	2.509.121.366

5.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngoại tệ các loại:		
USD	5.228,82	6.290,82
EUR	-	100,26
SGD	164,04	-
Tại ngày 31/12/2016 VND	1.812.487.702	1.812.487.702
Nợ khó đòi đã xử lý		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu:		
Doanh thu xuất khẩu	212.352.468.619	359.237.222.417
Doanh thu bán hàng trong nước	1.315.266.212.827	1.380.515.992.749
Doanh thu bán phế liệu	-	682.471.697
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.599.996	11.800.400
Cộng	1.527.623.281.442	1.740.447.487.263
Trong đó, doanh thu với các bên liên quan – Xem thêm mục 8.	343.514.768.711	1.042.432.542.689

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.341.864.310.189	1.567.900.108.526
Giá vốn của thành phẩm đã bán	107.534.471.201	145.154.272.296
Giá vốn của phế liệu	-	777.166.445
Dự phòng/hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(6.193.179.913)	5.204.267.988
Cộng	1.443.205.601.477	1.719.035.815.255

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi	6.219.359.429	1.974.836.452
Lãi bán hàng trả chậm	-	20.220.324.452
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.939.585.705	1.413.089.960
Cộng	12.158.945.134	23.608.250.864

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	32.990.612.032	27.410.292.529
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.239.693.879	29.599.280.624
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	7.946.013.927
Cộng	39.230.305.911	64.955.587.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**6.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	-	1.341.948.320
Chi phí vận chuyển	5.945.055.311	5.208.775.330
Chi phí xuất khẩu	2.189.157.868	3.342.704.134
Chi phí khác	1.250.669.016	936.114.761
Cộng	9.384.882.195	10.829.542.545

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.427.493.933	2.136.780.024
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	4.795.614.853	783.697.271
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.886.322.665	3.990.181.027
Chi phí khác	3.876.531.390	6.990.732.257
Cộng	15.985.962.841	13.901.390.579

6.7. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	60.000.000	5.143.094.433
Tiền phạt thu được	444.420.900	-
Thu nhập khác	108.861.587	1.215.511.545
Cộng	613.282.487	6.358.605.978

6.8. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm dừng hoạt động	822.551.766	5.260.122.382
Các khoản bị phạt	2.000.000	8.683.522.239
Các khoản khác	114.870.674	185.051.266
Cộng	939.422.440	14.128.695.887

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	95.879.983.880	127.815.363.272
Chi phí nhân công	4.427.493.933	5.253.453.530
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.790.495.979	672.876.335
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.047.200.844	18.425.420.537
Chi phí khác bằng tiền	4.575.658.439	20.967.598.260
Cộng	118.720.833.075	173.134.711.934

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	31.649.334.199	(52.436.687.241)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	7.836.569.481	14.528.936.199
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(119.457.624)	(955.263.678)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	39.366.446.056	(38.863.014.720)
Lỗi từ các năm trước được chuyển sang	(39.366.446.056)	-
Thu nhập tính thuế sau khi chuyển lỗ	-	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: các chi phí không đủ điều kiện được trừ thuế TNDN, chi phí không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ, chi phí trích trước.

6.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và chi phí thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng VND
Tại ngày 01/01/2015	-
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	(7.899.531.003)
Tại ngày 01/01/2016	(7.899.531.003)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	7.873.289.212
Tại ngày 31/12/2016	(26.241.791)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG****7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.152.344.112.379	1.253.833.581.231

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.211.356.499.247)	(1.208.029.422.363)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**

- Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc
- Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Thanh Dung
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thép Thiên Lộc

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty con
 Nhân sự quản lý chủ chốt
 Quan hệ ruột thịt với Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị
 Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	647.438.478	647.438.478
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	245.709.096.782	448.751.005.581
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thép Thiên Lộc	521.198.253	-
Cộng – Xem thêm mục 5.3	246.877.733.513	449.398.444.059
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu ngắn hạn khác – Xem thêm mục 5.4:		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	125.043.764.872	125.553.563.860

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	(8.147.356.321)	(199.420.090.580)
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thép Thiên Lộc	(253.143.755)	(253.143.755)
Cộng – Xem thêm mục 5.10	(8.400.500.076)	(199.673.234.335)
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả ngắn hạn khác:		
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	(1.627.054.897)	(1.627.054.897)
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	(42.255.381.265)	(39.315.509.268)
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thép Thiên Lộc	(99.846.900)	(99.846.900)
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	(104.679.250)	(11.679.250)
Cộng – Xem thêm mục 5.12	(44.086.962.312)	(41.054.090.315)
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vay dài hạn – Xem thêm mục 5.13:		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	(465.000.000)	(465.000.000)
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc		
Bán hàng – Xem thêm mục 6.1	343.514.768.711	1.042.432.542.689
Mua hàng	144.596.896.904	781.619.529.127
Mua tài sản cố định	2.250.000.000	-
Bán tài sản cố định	-	4.977.887.704
Lãi bán hàng trả chậm	-	20.220.324.452
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vay tiền:		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	2.137.000.000	-

Giá bán hàng hóa cho các bên liên quan và việc mua hàng hóa và tài sản cố định từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cán trừ công nợ. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Công ty cũng cung cấp và nhận tiền hoặc thu hộ, chi hộ với các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Các khoản tiền mượn và cho mượn không chịu lãi suất.

Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất là 0%/năm.

Công ty đã dùng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 43.425.622.397 VND và tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 1.531.265.130 VND để thế chấp cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc – Xem thêm mục 5.7 và 5.9.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình của Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc dùng để thế chấp các khoản vay của Công ty là 188.227.707.128 VND – Xem thêm mục 5.13.

Ngoài ra, các cá nhân có liên quan còn dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để thế chấp cho các khoản vay của Công ty như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá trị định giá của tài sản được dùng để thế chấp các khoản vay của Ngân hàng – Xem thêm mục 5.13:		
Tài sản là bất động sản:		
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	76.844.000.000	62.481.000.000
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	17.523.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và Bà Nguyễn Thị Bích Liên	125.072.000.000	86.583.400.000
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và Bà Nguyễn Thanh Loan	215.000.000.000	-
Tài sản là Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc:		
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	76.844.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và Bà Nguyễn Thanh Loan	215.000.000.000	-
Cộng	726.283.000.000	149.064.400.000

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	41.000.000	21.000.000
Thu nhập Tổng Giám đốc	-	198.564.800
Cộng	41.000.000	219.564.800

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	14.000.000	10.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH RIÊNG

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng.




Nguyễn Thanh Loan
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2017


Lê Ngọc Khang
Kế toán trưởng


Trần Thị Quỳnh
Người lập

